

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	14,800 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	0%

DT thuần	2024		
	230	YoY	▼ 89.0
	tỷ VNĐ		▼ 27.9%

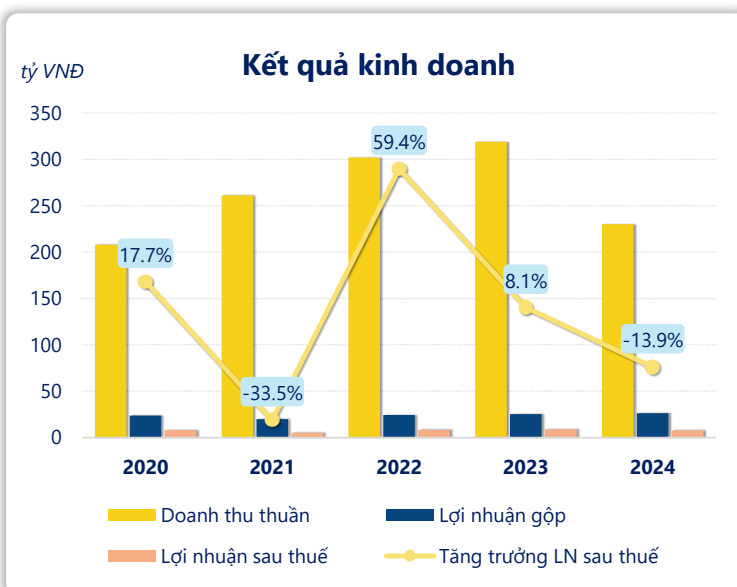
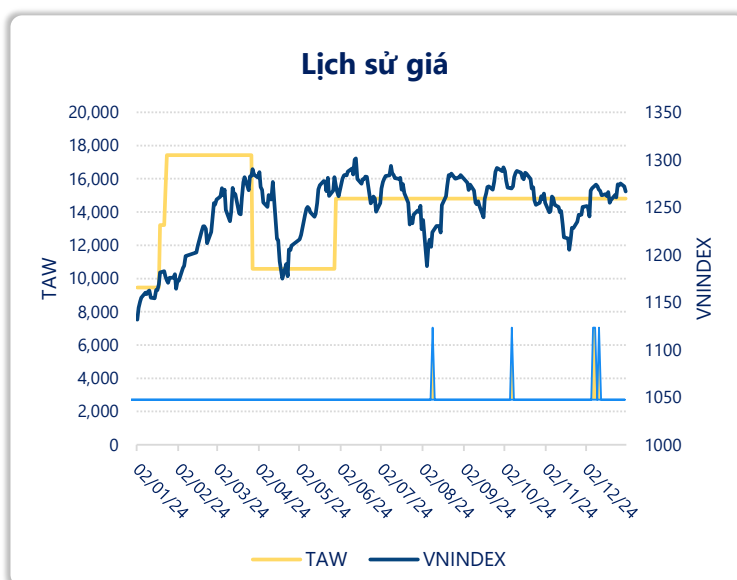
LN gộp	2024		
	26.4	YoY	▲ 1.00
	tỷ VNĐ		▲ 3.8%

LN thuần	2024		
	9.02	YoY	▼ 1.78
	tỷ VNĐ		▼ 16.5%

LN sau thuế	2024		
	7.90	YoY	▼ 1.28
	tỷ VNĐ		▼ 13.9%

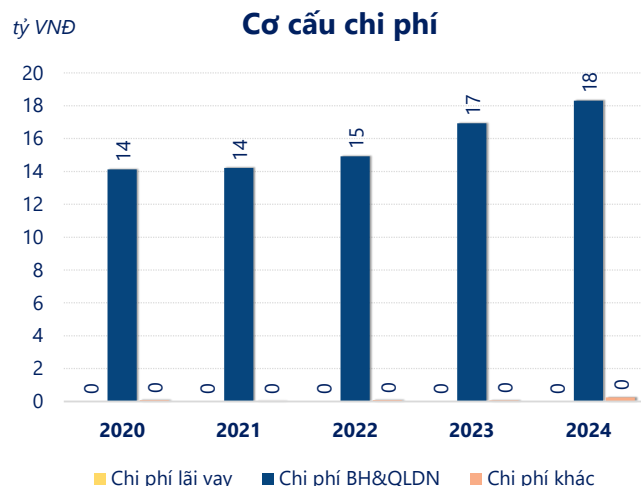
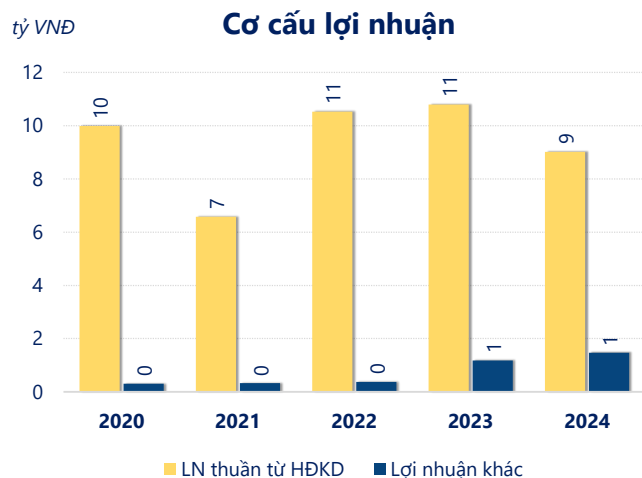
ROE	2024		
	11.8%	+/- YoY	▼ 2.2%

ROA	2024		
	5.6%	+/- YoY	▼ 0.8%



Năm **2024**, **TAW** ghi nhận doanh thu thuần **230.0** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **7.90** tỷ đồng, lần lượt **giảm 27.9%** và **giảm 13.9%** so với năm trước.

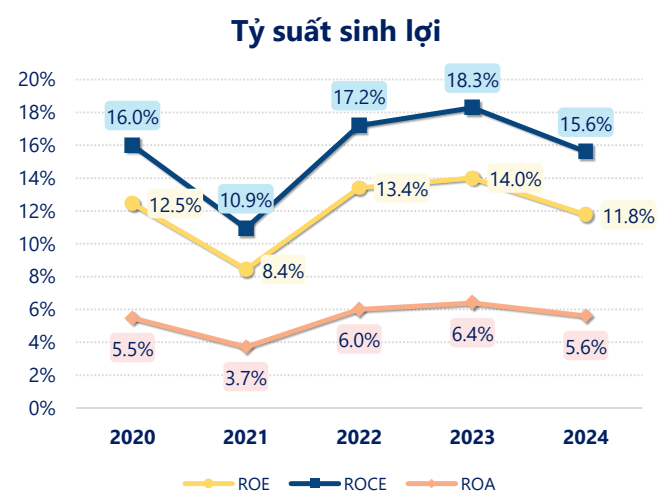
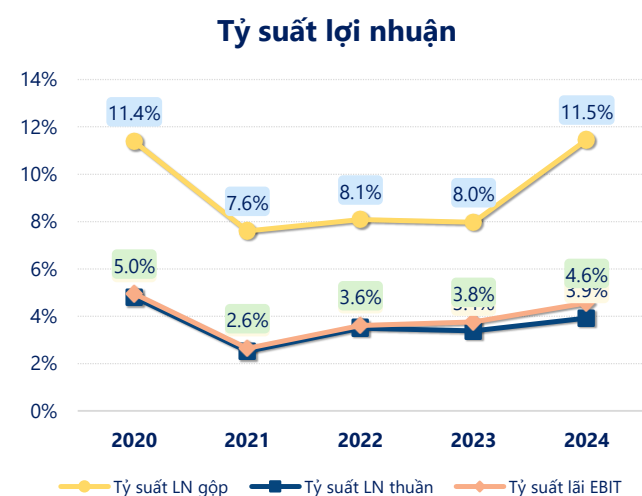
Công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng doanh thu cũng như lợi nhuận so với năm trước. Với mức **ROE** đạt **11.8%** cho thấy tình hình kinh doanh vẫn khá tốt, tuy nhiên cần cải thiện để đạt kết quả tốt hơn.



Năm **2024**, **TAW** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **9.02** tỷ đồng, **giảm đi 1.78** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (9.38 tỷ đồng) là 0.36 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

Chi phí lãi vay không đổi so với năm trước bằng **0.00** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên** ở mức **18.31** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.24** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của TAW năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **11.8%**, **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.



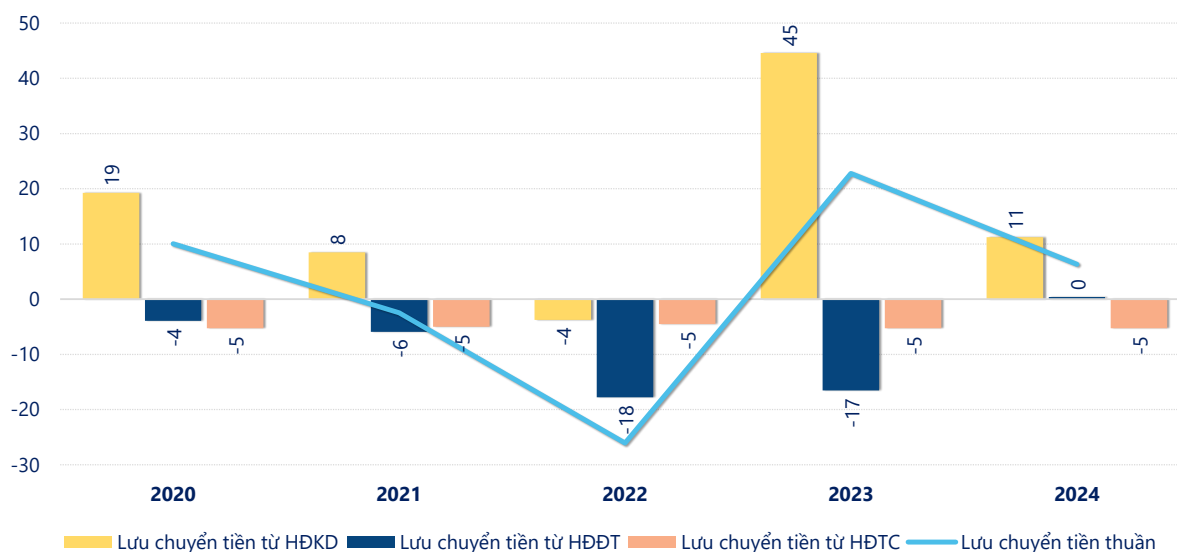
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	208	261	302	319	230
Giá vốn hàng bán	184	241	278	293	204
Lợi nhuận gộp	23.7	19.9	24.4	25.4	26.4
Doanh thu HĐTC	0.47	0.96	1.11	2.39	0.97
Chi phí TC	0.03	0.04	0.05	0.06	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.62	2.25	1.71	1.37	1.21
Chi phí QLDN	12.5	12.0	13.2	15.6	17.1
LN thuần từ HĐKD	9.99	6.58	10.5	10.8	9.02
Lợi nhuận khác	0.30	0.33	0.38	1.18	1.46
LN trước thuế	10.3	6.91	10.9	12.0	10.5
Lợi nhuận sau thuế	8.01	5.33	8.49	9.18	7.90
LNST của CĐ cty mẹ	8.01	5.33	8.49	9.18	7.90

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của TAW bằng **6.33** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (22.76 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **11.22** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **0.36** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-5.25** tỷ đồng.